

Số: /2026/QĐDS- ST

Hung Yên, ngày 16 tháng 4 năm 2026

Ngày 16/4/2026

*“Về việc: Yêu cầu tuyên bố
một người mất tích”*

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUNG YÊN**

- Thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Văn Mười - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hung Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hung Yên tham gia phiên họp: Bà Đỗ Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hung Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 493/2025/TLST-VDS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp số: 06/2026/QĐST-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026.

Người yêu cầu: Ông **Trần Văn N**; sinh năm 1978, có mặt.

Hộ khẩu thường trú: **Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hà Thị Y**; sinh năm 1980, vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: **Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.**

Người làm chứng:

- Bà **Nguyễn Thị N1**; sinh năm 1954, vắng mặt.

- Anh **Trần Trọng T**; sinh năm 2003, vắng mặt.

Đều có hộ khẩu thường trú: **Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.**

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Theo đơn yêu cầu, lời khai ông **Trần Văn N** trình bày: Ông và bà **Hà Thị Y** tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên** năm 2002. Sau khi kết hôn, bà **Y** chuyển khẩu về gia đình ông chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2004 bà **Y** đã tự ý bỏ nhà đi khỏi địa phương, gia đình cũng đã liên lạc, thông báo tìm kiếm bà **Y** nhiều năm nay nhưng đều không có tin tức gì của bà **Y**. Ông **N** đề nghị Tòa án tuyên bố bà **Hà Thị Y** mất tích. Về gia đình bà **Y**, ông chỉ biết bố vợ tên là **Ú** và mẹ vợ tên là **M** ở **L, Bình Phước**, ông không biết rõ họ, năm sinh của bố mẹ vợ, sau đó ông **Ú**, bà **M** bán nhà ở Bình Phước vào Lâm Đồng sinh sống và hiện nay ông không biết địa chỉ cụ thể ở đâu.

Về tài sản: Ông N trình bày không có tài sản chung, không vay nợ ai.

2. Lời khai những người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị N1 là mẹ đẻ ông N trình bày: Anh N và chị Y kết hôn nhưng hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới, bà N1 không biết thông tin gì về bên gia đình thông gia bố mẹ chị Y, hai bên gia đình cũng không có thông tin trao đổi gì với nhau, anh N và chị Y sinh cháu được một thời gian ngắn thì để lại cháu cho bà nuôi dưỡng, anh N và chị Y lại tiếp tục vào miền nam để làm ăn. Đến năm 2006 thì anh N về quê sinh sống làm ăn cho đến nay, chị Y không về cùng anh Nguyễn sinh S và làm ăn tại quê nhà thôn Đ, xã Đ từ đó đến nay.

Anh N và chị Y không có tài sản chung. Vì anh chị sinh sống ở nhà một thời gian ngắn rồi anh chị lại đi vào miền nam làm ăn, bà không biết nguyên nhân mâu thuẫn của anh N và chị Y như nào, bà không nắm được, bà đề nghị vắng mặt.

Anh Trần Trọng T trình bày: Anh là con của ông Trần Văn N và bà Hà Thị Y, từ nhỏ đã ở với ông bà nội, hiện nay anh không biết mẹ anh là bà Hà Thị Y ở đâu và cũng không liên lạc được với mẹ, không biết mẹ còn sống hay đã chết, anh yêu cầu vắng mặt.

3. Biên bản xác minh tại Công an xã Đ và Lãnh đạo thôn Đ thể hiện nội dung:

Ông Đặng Văn T1 trưởng thôn thôn Đ cung cấp: Khoảng năm 2004 anh N và chị Y kết hôn nhưng sau đó anh chị vào miền nam làm ăn, việc anh chị có đăng ký kết hôn hay không thì ông không nắm được, sau đó chị Y không sinh sống tại địa phương, việc mâu thuẫn của anh chị ông không nắm được, chị Y không có tài sản đăng ký tại địa phương.

Ông Nguyễn Đức H trưởng công an xã Đ, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Chị Y hiện nay có hộ khẩu tại địa phương nhưng vắng mặt đến nay khoảng trên 20 năm, không có thông tin về lý do vắng mặt và địa chỉ cụ thể của chị Y đang ở đâu.

Về tài sản chung, anh chị không có tài sản chung tại địa phương.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp:

- Người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm ra quyết định giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án áp dụng: Điều 68 Bộ luật Dân sự. Khoản 3 Điều 27; Điều 35; Điều 361; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 387; Điều 388 và Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Trần Văn N.

Tuyên bố bà Hà Thị Y, sinh năm 1980, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, mất tích.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về lệ phí: Buộc đương sự phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên nhận định.

Về tố tụng: Ông Trần Văn N có đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với bà Hà Thị Y, nộp kèm theo đơn là các căn cứ chứng minh cho yêu cầu. Tòa án đã thụ lý yêu cầu là đúng quy định tại khoản 3 Điều 27, Điều 387, 389 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại đơn yêu cầu và lời khai của những người tham gia tố tụng trong việc dân sự trình bày và kết quả xác minh thì có căn cứ xác định ông Trần Văn N và bà Hà Thị Y tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Đ, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn bà Hà Thị Y có đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên) để chung sống.

Đến tháng 01 năm 2004 bà Hà Thị Y đã đi khỏi địa phương mà không khai báo tạm vắng, không làm thủ tục cắt chuyển khẩu và cũng không thông báo gì cho ông N biết, ông N đã thông báo tìm kiếm bà Hà Thị Y nhiều năm nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của bà Y. Tại lời khai của ông N và những người làm chứng là bà Nguyễn Thị N1, anh Trần Trọng T, kết quả xác minh tại Công an xã Đ là cơ quan có thẩm quyền quản lý hộ khẩu nơi cư trú cuối cùng trước khi bà Y bỏ nhà đi biệt tích, xác nhận bà Y biệt tích từ tháng 01 năm 2004 cho đến nay, không có tin tức gì.

Tòa án cũng đã đăng tin trên cổng thông tin điện tử; thông báo, nhắn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, đến nay đã hết thời hạn theo quy định của pháp luật, nhưng không có tin tức của bà Hà Thị Y.

Như vậy bà Hà Thị Y đã biệt tích 02 năm liền trở lên, đến nay vẫn không có tin tức gì, nên ông N yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Hà Thị Y mất tích là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự.

Về tài sản: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc, không có căn cứ xác định bà Hà Thị Y có tài sản tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, nên Tòa án không giải quyết.

Về lệ phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trần Văn N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ *Áp dụng*: Điều 68 Bộ luật Dân sự. Khoản 3 Điều 27; Điều 35; Điều 361; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 387; Điều 388 và Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận đơn yêu cầu của ông **Trần Văn N**.

Tuyên bố bà **Hà Thị Y**, sinh năm 1980, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: **Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên**, mất tích.

3/ *Về lệ phí*: Ông **Trần Văn N** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông **N** đã nộp theo biên lai thu số 0003579 ngày 26/11/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, ông **N** đã nộp đủ lệ phí.

4/ *Về quyền kháng cáo*: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 - Hưng Yên;
- Dương sự;
- THADS khu vực 4 - Hưng Yên;
- UBND xã Đại Đồng;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Mười